TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 367/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2022
V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hăng;

2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 541/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 07, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Trần Quan K, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 42, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà A, ông K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông K do tự tìm hiểu và sống chung vào năm 2014, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà và ông K bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải. Nay bà yêu cầu được ly hôn với K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Quan K trình bày: Ông thống nhất với bà A về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân. Ông với bà A sống chung từ năm 2014 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Ông và bà A không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ các đương sự cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự thống nhất, không bổ sung chứng cứ mới và không có ý kiến.

Tại phiên toà:

Hội đồng đồng xét xử đã công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa theo quy định.

Bà A, ông K vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thúy A yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quan K. Ông K cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về việc vắng mặt của đương sự: Bà A, ông K vẫn bảo lưu ý kiến, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông bà theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà A, ông K được xác lập do tự tìm hiểu và sống chung vào năm 2014. Lẽ ra, hôn nhân bà A và ông K được công nhận nhưng bà A, ông K cùng xác định từ khi chung sống đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông, bà là phù hợp với Giấy xác nhận số: 139/XN-UBND ngày 14/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang và Giấy xác nhận: 172/GXN-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận bà A, ông K là quan hệ vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Bà A, ông K cùng xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà A, ông K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy A.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Trần Quan K là quan hệ vợ chồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0007050 ngày 30/6/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang